

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

*“V/v: Tranh chấp về chia tài sản
sau ly hôn và đòi tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Ký

Bà Vũ Thị Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2016/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2016 về “Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn và đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 08C5 khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H: Ông Phan Mạnh H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số nhà 06 đường D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 24/9/2016 và Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2017).

- Bị đơn: Ông Dịp Thế P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 308, khu phố G, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H có mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị H và ông Dịp Thế P là vợ chồng kết hôn vào năm 2004. Sau đó ông bà đã ly hôn theo Bản án số 41/2016/HNGĐ-ST ngày 29/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, ông P đã kháng cáo bản án trên nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã đình chỉ giải quyết theo Quyết định số 05/2016/QĐ-PT ngày 10/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai nên bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết ly hôn thì bà H và ông P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn hai bên không thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung nên bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung của bà và ông P bao gồm:

+ Thửa đất số 747 diện tích 95m² tờ bản đồ số 24 xã K, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 009744 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Tín Khai ngày 22/5/2013, chỉnh lý trang số 3 cho ông Dịp Thế P và bà Phạm Thị H vào ngày 29/8/2014; thửa đất số 748 diện tích 95m² tờ bản đồ số 24 xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 009745 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Tín Khai ngày 22/5/2013, chỉnh lý trang số 3 cho ông Dịp Thế P và bà Phạm Thị H vào ngày 29/8/2014.

Nguồn gốc hai thửa đất này là do tiền của hai vợ chồng cùng nhận chuyển nhượng đất của Công ty Cổ phần Tín Khai và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cả hai vợ chồng.

+ Các Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - Chi nhánh Đồng Nai, phòng giao dịch Biên Hòa bao gồm: số tài khoản 050054114769 có số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 050044471830 số tiền là 125.000.000 đồng; số tài khoản 050054114841 số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 0050054114661 số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 050054115269 số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 050054114734 số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 050049638008 số tiền là 40.000.000 đồng, cùng mã khách hàng 2034898 đứng tên ông Dịp Thế P.

+ Các sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á – Chi nhánh Đồng Nai bao gồm: số tài khoản 002537010035, số tiền là 94.000.000 đồng; số tài khoản 002537010038, số tiền là 48.000.000 đồng; số tài khoản 002537010036, số tiền là 50.000.000 đồng; số tài khoản 002537010034, số tiền là 85.000.000 đồng đứng tên ông Dịp Thế P.

Tổng số tiền của các thẻ và sổ tiết kiệm là 942.000.000 đồng, nguồn gốc của số tiền này là do vợ chồng ông bà tiết kiệm từ tiền lương và thu nhập trong thời kỳ hôn nhân. Bà H để ông P đứng tên chủ tài khoản do tại thời điểm đó vợ chồng còn chung sống với nhau và chưa có mâu thuẫn.

Theo chứng thư thẩm định giá số: 30/CT-THM ngày 20/01/2017 của Công ty thẩm định giá và tư vấn đầu tư xây dựng Thế Hệ Mới xác định thửa đất số 747

diện tích 95m², thửa đất số 748 diện tích 95m² cùng tờ bản đồ số 24, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai có giá trị mỗi thửa là 408.500.000 đồng.

Bà H yêu cầu được nhận thửa đất số 747 tờ bản đồ số 24 xã K, diện tích 95m², giao cho ông P quản lý, sử dụng diện tích đất thửa 748 tờ bản đồ số 24 xã K, diện tích 95m², cả hai thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với số tiền trong các sổ tiết kiệm, do ông Dịp Thế P đã rút và sử dụng cá nhân không đưa cho bà H nên yêu cầu ông P phải thanh toán cho bà số tiền 300.000.000 đồng.

Ngoài ra, còn hai sổ tiết kiệm Phù Đồng mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - Chi nhánh Đồng Nai, phòng giao dịch Biên Hòa, số tài khoản 050049676953 số tiền là 24.000.000 đồng đứng tên Dịp Ngân C; số tài khoản 050049677003 số tiền là 24.000.000 đồng đứng tên Dịp Mỹ L, là tài sản riêng của cháu C và cháu L nhưng ông P đã tự rút số tiền này nên bà H với tư cách là người trực tiếp chăm sóc hai con theo Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu buộc ông P phải trả lại số tiền trên cho cháu C và cháu L.

Bị đơn ông Dịp Thế P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông P không đến Tòa làm việc, cũng không có văn bản nêu ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa ông P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

Về tố tụng:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về “Yêu cầu chia tài sản sau ly hôn” và “Đòi tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn, có bất động sản tại xã K, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào

các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu;

Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn” và “Đòi tài sản”.

Bị đơn ông Dịp Thế P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định.

** Về nội dung:*

[2] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ yêu cầu ông Dịp Thế P trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau ly hôn và đòi tài sản của nguyên đơn. Xác định số tài sản chung của vợ chồng ông bà trong thời kỳ hôn nhân bao gồm những tài sản gì, trước đây vợ chồng đã thỏa thuận chia tài sản chung hay chưa. Tuy nhiên, ông Dịp Thế P không đến Tòa làm việc, không có văn bản nêu ý kiến theo thông báo của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ để xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản sau ly hôn thì thấy: Bà Phạm Thị H và ông Dịp Thế P kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Năm 2016, bà H và ông P đã được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết ly hôn tại Bản án số 41/2016/HNGĐ-ST ngày 29/02/2016, tại thời điểm giải quyết ly hôn bà H và ông P tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà H và ông P không thỏa thuận được nên yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở để xem xét.

[4] Về tài sản chung mà bà H yêu cầu chia bao gồm:

+ Thừa đất số 747 diện tích 95m² tờ bản đồ số 24 xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 009744 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Tín Khải ngày 22/5/2013, chỉnh lý trang số 3 cho ông Dịp Thế P và bà Phạm Thị H vào ngày 29/8/2014; thửa đất số 748 diện tích 95m² tờ bản đồ số 24 xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 009745 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Tín Khải ngày 22/5/2013, chỉnh lý trang số 3 cho ông Dịp Thế P và bà Phạm Thị H vào ngày 29/8/2014.

Nguồn gốc hai thửa đất này là do tiền của hai vợ chồng cùng nhận chuyển nhượng đất của Công ty Cổ phần Tín Khải và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cả hai vợ chồng.

+ Các Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - Chi nhánh Đồng Nai, phòng giao dịch Biên Hòa bao

gồm: số tài khoản 050054114769 có số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 050044471830 số tiền là 125.000.000 đồng; số tài khoản 050054114841 số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 0050054114661 số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 050054115269 số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 050054114734 số tiền là 100.000.000 đồng; số tài khoản 050049638008 số tiền là 40.000.000 đồng, cùng mã khách hàng 2034898 đứng tên ông Dịp Thế P.

+ Các sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á – Chi nhánh Đồng Nai bao gồm: số tài khoản 002537010035, số tiền là 94.000.000 đồng; số tài khoản 002537010038, số tiền là 48.000.000 đồng; số tài khoản 002537010036, số tiền là 50.000.000 đồng; số tài khoản 002537010034, số tiền là 85.000.000 đồng đứng tên ông Dịp Thế P.

Tổng số tiền của các thẻ tiết kiệm là 942.000.000 đồng.

[5] Các tài sản trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà H và ông P không có thỏa thuận để xác định đây là tài sản riêng của vợ hoặc chồng. Theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tài sản trên được xác định là tài sản chung của vợ chồng bà H và ông P.

[6] Bà H yêu cầu được sử dụng thửa 747 diện tích 95m² tờ bản đồ số 24, giao cho ông P sử dụng thửa 748 diện tích 95m² tờ bản đồ số 24 xã K. Theo quy định tại 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tài sản chung của vợ chồng nếu không có thỏa thuận khác thì chia đôi, tài sản chung là quyền sử dụng đất thì được chia theo quy định của Luật đất đai, quyền sử dụng đất mà bà H yêu cầu được chia là loại đất ở nông thôn và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Do đó, yêu cầu của bà H đề nghị được chia bằng hiện vật là có cơ sở chấp nhận, giao cho mỗi bên được sử dụng một thửa đất.

Hai thửa đất 747 và 748 cùng tờ bản đồ số 24 xã K được Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư xây dựng Thế Hệ Mới xác định trị giá của hai thửa bằng nhau, mỗi thửa đất có giá 408.500.000 đồng. Do đó, không bên nào phải thanh toán phần giá trị chênh lệch đối với thửa đất mà mình được quản lý, sử dụng.

[7] Đối với tài sản là các tài khoản gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) với tổng số tiền là 942.000.000 đồng đứng tên chủ tài khoản là ông Dịp Thế P. Qua xác minh tại các ngân hàng trên thì các tài khoản và số tiền trong tài khoản là có thật, được mở trong thời kỳ hôn nhân từ tháng 8/2014 đến tháng 8/2015, nhưng trong thời gian từ tháng 8/2015 đến tháng 12/2015 toàn bộ số tiền này ông Dịp Thế P là người tất toán, hiện nay không còn số dư trong tài khoản. Ông P không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền này sau khi rút giao lại cho bà H hoặc sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Do đó, bà H yêu cầu ông P phải trả lại cho bà số tiền 300.000.000 đồng là có cơ sở, cần buộc ông P phải có

trách nhiệm thanh toán lại cho bà H số tiền trên. Đối với số tiền còn lại là 642.000.000 đồng giao cho ông P được sở hữu.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện về đòi tài sản của bà H thì thấy: Cháu Dịp Ngạn C và Dịp Mỹ L là con chung của ông Dịp Thế P và bà Phạm Thị H. Cháu C sinh ngày 03/10/2004, cháu L sinh ngày 08/6/2006 đều là người chưa thành niên theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà H là người đại diện theo pháp luật cho cháu C và L thực hiện quyền khởi kiện tài sản là đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Qua xác minh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - Chi nhánh Đồng Nai, phòng giao dịch Biên Hòa thì hai tài khoản gồm: Sổ tiết kiệm Phù Đồng số tài khoản 050049676953 số tiền là 24.000.000 đồng đứng tên chủ tài khoản là Dịp Ngạn C; Sổ tiết kiệm Phù Đồng, số tài khoản 050049677003 số tiền là 24.000.000 đồng đứng tên chủ tài khoản là Dịp Mỹ L. Đây là tài sản mà bà H và ông P mở riêng làm tài sản tiết kiệm cho cháu Dịp Ngạn C và cháu Dịp Mỹ L. Số tiền trong hai tài khoản này ông Dịp Thế P đã rút hết vào ngày 03/3/2016 và ngày 08/3/2016 hiện nay không còn số dư trong tài khoản. Bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con theo Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Do các cháu Dịp Ngạn C và Dịp Mỹ L là người chưa thành niên nên bà H khởi kiện yêu cầu buộc ông P phải trả là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông Dịp Thế P phải trả lại số tiền trên cho cháu C và L, giao cho bà H là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên quản lý số tiền trên.

[9] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về chi phí tố tụng:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trường hợp yêu cầu chia tài sản chung mỗi bên đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản mà họ được chia.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá trong vụ án là tổng số tiền là 12.532.850 đồng. Mỗi bên đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền tương đương với số tiền là 6.266.425 đồng.

Do bà H đã nộp tạm ứng số tiền 12.532.850 đồng nên buộc ông Dịp Thế P phải có trách nhiệm thanh toán lại cho bà H số tiền là 6.266.425 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí chia tài sản chung:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trường hợp các đương sự yêu cầu chia tài sản chung thì mỗi đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần tài sản mà họ được hưởng. Cụ thể:

Bà H phải chịu án phí trên tổng giá trị tài sản mà mình được hưởng là 708.500.000 đồng (300.000.000 đồng + 408.500.000 đồng).

Án phí: $[20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 308.500.000 \text{ đồng})] = 32.340.000 \text{ đồng}$.

Ông Dịp Thế P phải chịu án phí trên tổng giá trị tài sản mà mình được hưởng là 1.050.500.000 đồng (642.000.000 đồng + 408.500.000 đồng).

Án phí: $[36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 250.500.000 \text{ đồng})] = 43.515.000 \text{ đồng}$.

- Về án phí đòi lại tài sản:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí đòi lại tài sản. Bà H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đòi tài sản là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí chia tài sản chung mà bà H phải chịu. Ông Dịp Thế P phải chịu 2.400.000 đồng án phí đòi tài sản.

Tổng số tiền án phí ông P phải chịu là 45.915.000 đồng (43.515.000 đồng + 2.400.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 189, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 21 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về yêu cầu chia tài sản sau ly hôn và đòi tài sản.

- Bà Phạm Thị H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 747, tờ bản đồ số 24 xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai, diện tích 95m², giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,1) theo Trích lục và đo hiện trạng bản đồ địa chính thửa đất số 84-2/2017 ngày 16/01/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 009744 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Tín Khải ngày 22/5/2013, chỉnh lý trang số 3 cho ông Dịp Thế P và bà Phạm Thị H vào ngày 29/8/2014.

- Ông Dịp Thế P được quản lý, sử dụng thửa đất số 748, tờ bản đồ số 24 xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai, diện tích 95m², giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,1) theo

Trích lục và đo hiện trạng bản đồ địa chính thửa đất số 84-1/2017 ngày 16/01/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 009745 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Tín Khải ngày 22/5/2013, chỉnh lý trang số 3 cho ông Dịp Thế P và bà Phạm Thị H vào ngày 29/8/2014.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Dịp Thế P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

- Buộc ông Dịp Thế P phải có trách nhiệm trả số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu) cho cháu Dịp Ngạn C và số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu) cho cháu Dịp Mỹ L. Giao cho bà Phạm Thị H là người đại diện theo pháp luật và là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con theo Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa quản lý số tiền trên đến khi cháu C, cháu L thành niên.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Dịp Thế P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền 6.266.425 đồng (sáu triệu, hai trăm sáu mươi sáu ngàn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị H phải chịu số tiền án phí là 32.340.000 đồng (ba mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 009716 ngày 10/10/2016 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu và số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 001428 ngày 12/6/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, như vậy bà H còn phải nộp số tiền là 12.040.000 đồng (mười hai triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Ông Dịp Thế P phải chịu số tiền án phí là 45.915.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, chín trăm mười lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động) hoặc kể từ ngày người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA**

Nguyễn Xuân Quang